

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: THẠC SĨ
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ GIÁO DỤC
(ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)
MÃ NGÀNH: 8140114
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

HẢI DƯƠNG, NĂM 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1.1. Mục tiêu chung	1
1.2. Mục tiêu cụ thể	1
2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	2
2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức	2
2.2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng	2
2.3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm	2
3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH.	3
4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	4
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	4
5.1. Quy trình đào tạo	4
5.2. Điều kiện tốt nghiệp.....	5
6. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP	6
7. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	6
7.1. Cấu trúc chương trình tổng thể	6
7.2. Khung chương trình đào tạo	7
7.3. Kế hoạch giảng dạy (phân kỳ)	8
7.4. Ma trận chuẩn đầu ra - học phần (ma trận kĩ năng).....	10
8. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	11
8.1. Phương pháp giảng dạy	11
8.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập	13
9. PHƯƠNG PHÁP HỌC, TỰ HỌC VÀ TỰ NGHIÊN CỨU	14
9.1. Phương pháp học	14
9.2. Phương pháp tự học, tự nghiên cứu	14
10. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ	15
11. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU	17
12. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN.....	17
13. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO	22
14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN	22
1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN/MARXIST - LENINIST PHILOSOPHY	23
2. TIẾP CẬN HIỆN ĐẠI TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ NHÀ TRƯỜNG/MODERN APPROACH IN EDUCATIONAL MANAGEMENT	30
3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC QUẢN LÝ GIÁO DỤC/RESEARCH METHODS OF LEADERSHIP MANAGEMENT	37
4. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC/STATE MANAGEMENT OVER EDUCATION	43

5. GIÁO DỤC SO SÁNH VÀ QUỐC TẾ/COMPARATIVE AND INTERNATIONAL EDUCATION.....	48
6. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRONG GIÁO DỤC/EDUCATIONAL QUALITY IN MANAGEMENT	53
7. QUẢN LÝ VÀ LÃNH ĐẠO NHÀ TRƯỜNG/MANAGING CHANGES IN EDUCATION:.....	60
8. TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ VÀ LÃNH ĐẠO/PSYCHOLOGY OF LEADERSHIP MANAGEMENT	66
9. XÃ HỘI HỌC VÀ KINH TẾ HỌC TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC/SOCIAL AND ECONOMICS IN EDUCATIONAL MANAGEMENT	71
10. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC/EDUCATION FORECAST DEVELOPMENT	77
11. QUẢN LÝ DỰ ÁN GIÁO DỤC/EDUCATION PROJECT MANAGEMENT	82
12. QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI TRONG GIÁO DỤC/MANAGING CHANGES IN EDUCATION.....	88
13. CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC/DIGITAL TRANSFORMATION IN SCHOOL	93
14. KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG/SCHOOL LEADERSHIP AND MANAGEMENT SKILL	98
15. QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG/ SCHOOL CURRICULUM DEVELOPMENT AND MANAGEMENT	103
16. XÂY DỰNG VĂN HÓA NHÀ TRƯỜNG/SCHOOL CULTURE BUILDING.....	109
17. LÝ LUẬN DẠY HỌC HIỆN ĐẠI/CONTEMPORARY TEACHING AND LEARNING THEORY	114
18. QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC GIÁO DỤC/HUMAN RESOURCE ADMINISTRATION IN EDUCATION	120
19. QUẢN LÝ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC/MANGAMENT OF FINANCIAL RESOURCES, FACILITIES IN THE SCHOOL	126
20. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP/GRADUATION INTERNSHIP	133
21. ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP/GRADUATION PROJECT	138

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC
(Định hướng ứng dụng)

(Ban hành kèm theo Quyết định số **235** /QĐ-ĐHHD ngày **24** / **02** /2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

- Tên chương trình (Tiếng Việt): Thạc sĩ Quản lý giáo dục
- Tên chương trình (Tiếng Anh): Master of Education Management
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Ngành đào tạo: Quản lý giáo dục
- Mã ngành: 8140114
- Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
- Thời gian đào tạo: 2 năm

1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý giáo dục thực hiện theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo lực lượng chuyên gia trong lĩnh vực Quản lý giáo dục có trình độ về lý thuyết quản lý, có năng lực thực hành phù hợp, có năng lực nghiên cứu khoa học, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thực tiễn trong Quản lý giáo dục các cấp và tại các cơ sở giáo dục hiện nay.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Mục tiêu về kiến thức

PO1: Tổng hợp, khái quát hóa kiến thức của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghiên cứu và học tập chuyên ngành.

PO2: Tổng hợp, khái quát hóa kiến thức các phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu vào nghiên cứu khoa học Quản lý giáo dục.

PO3: Tổng hợp, khái quát hóa kiến thức trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trình độ thạc sĩ vào công tác Quản lý giáo dục.

PO4: Tổng hợp được các kiến thức về khoa học giáo dục và khoa học Quản lý giáo dục trong hoạt động thực tiễn giáo dục và Quản lý giáo dục.

1.2.2. Mục tiêu về kỹ năng

PO5: Thực hiện được các kỹ năng quản lý cơ bản trong lĩnh vực Quản lý giáo dục.

PO6: Sử dụng được các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý giáo dục.

PO7: Vận dụng linh hoạt những kiến thức được đào tạo vào giải quyết những vấn đề về lý luận và thực tiễn trong Quản lý giáo dục.

PO8: Thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực Quản lý giáo dục.

1.2.3. Mục tiêu về mức tự chủ và trách nhiệm

PO9: Tuân thủ hiến pháp và luật pháp; có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, có kỉ luật; tuyên truyền, vận động, tham gia, huy động nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục.

PO10: Rèn luyện đạo đức, tác phong người làm công tác quản lý, lãnh đạo.

PO11: Có phẩm chất tự học, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự hoàn thiện nhân cách của nhà quản lý.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO1: Có kiến thức về phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiến thức ngoại ngữ để nghiên cứu và học tập chuyên ngành.

PLO2: Xác định được mối liên hệ giữa tri thức lý luận về khoa học giáo dục và khoa học Quản lý giáo dục.

PLO3: Vận dụng được những kiến thức về khoa học giáo dục và khoa học Quản lý giáo dục vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong Quản lý giáo dục.

PLO4: Vận dụng được phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học Quản lý giáo dục vào triển khai các đề án, dự án trong Quản lý giáo dục.

PLO5: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về khoa học quản lý vào triển khai, phát triển các văn bản quản lý như quy chế, quy định hành chính, chính sách và ra quyết định quản lý phù hợp với thực tiễn giáo dục.

PLO6: Đánh giá được chương trình giáo dục và vận dụng kiến thức trong quản lý để phát triển chương trình giáo dục.

2.2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

PLO7: Thành thạo các kỹ năng quản lý cơ bản: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, chỉ đạo/lãnh đạo, kiểm tra đánh giá.

PLO8: Thực hiện được các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý giáo dục: thích ứng với sự thay đổi, tạo động lực, gắn kết đội ngũ...

PLO9: Thực hiện quản lý và phát triển chương trình giáo dục và phát triển dự án giáo dục.

PL10: Có kỹ năng nghiên cứu khoa học và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học.

PLO11: Có kỹ năng trong xây dựng kế hoạch quản lý đề án, dự án trong giáo dục.

PLO12: Khai thác tối đa các ứng dụng của công nghệ thông tin trong Quản lý giáo dục.

PLO13: Sử dụng được ngoại ngữ tiếng Anh giao tiếp trong lĩnh vực giáo dục.

2.3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Trung thành tuyệt đối với tư tưởng cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

PLO15: Tôn trọng, tuân thủ các chuẩn mực giá trị đạo đức và văn hóa quản lý, văn hóa quản lý nhà trường.

PLO16: Có tầm nhìn và tư duy khoa học và thực tiễn.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Đối tượng tuyển sinh của chương trình đào tạo ngành Quản lý giáo dục, trình độ thạc sĩ phải có các yêu cầu sau:

1) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng với ngành đăng ký dự tuyển (không phải học bổ sung kiến thức).

- Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành phù hợp phải hoàn thành chương trình học bổ sung kiến thức của Trường.

2) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Cụ thể:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cấp bởi cơ sở đào tạo ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép cấp chứng chỉ còn trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày ký, ban hành quyết định tính đến ngày xét tuyển;

+ Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày ký, ban hành quyết định tính đến ngày xét tuyển;

+ Thông báo/Quyết định công nhận kết quả đánh giá năng lực tiếng anh đầu vào thạc sĩ các năm trước của Trường Đại học Hải Dương còn trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày ký, ban hành quyết định tính đến ngày xét tuyển;

+ Người dự tuyển không có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ như quy định ở trên cần đăng ký tham gia và đạt kết quả theo yêu cầu tại kỳ đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) do Trường tổ chức.

3) Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu;

4) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

Người dự tuyển được miễn học và thi học phần học phần bổ sung kiến thức nếu học phần đó đã được tích lũy ở bậc đại học và thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (1)

Tên học phần ghi trong bảng điểm đại học hoàn toàn trùng khớp với tên học phần học phần bổ sung kiến thức; (2) Số tín chỉ của học phần đã tích lũy lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ của học phần học phần bổ sung kiến thức; (3) Điểm học phần đạt từ điểm C (đối với thang điểm chữ), từ điểm 2,0 (đối với thang điểm 4), từ điểm 5,5 (đối với thang điểm 10) trở lên.

*** Các học phần học bổ sung kiến thức:**

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Quản lý giáo dục đại cương	2
2	Tâm lý học	2
3	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	2
4	Những vấn đề chung về giáo dục học	2
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2
6	Khoa học quản lý đại cương	2

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOA

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ

I. Khối kiến thức chung		4 tín chỉ
Học phần bắt buộc	+ <i>Bắt buộc</i>	4 tín chỉ
II. Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành		41 tín chỉ
Học phần bắt buộc	+ <i>Bắt buộc</i>	20 tín chỉ
Học phần tự chọn (chọn 7 trong 13 học phần)	+ <i>Tự chọn</i>	21 tín chỉ
III. Thực tập		6 tín chỉ
IV. Đề án tốt nghiệp		9 tín chỉ
TỔNG SỐ		60 tín chỉ

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo

5.1.1. Chương trình đào tạo

Thời gian thực hiện chương trình: 18 tháng hoặc 24 tháng, thời gian đào tạo kéo dài không quá 2 năm.

Chương trình được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển chương trình đào tạo ngành Quản lý giáo dục, trình độ thạc sĩ.

Chương trình giáo dục đại học trình độ thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục được thực hiện bằng nhiều hình thức tổ chức dạy - học khác nhau. Các hình thức này cần hướng vào sự phát triển năng lực tự học của học viên, tập trung vào việc đào tạo các năng lực cho cán bộ Quản lý giáo dục và nhà trường. Tinh thần này phải được quán triệt trong việc giảng dạy từng học phần và trong rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Ở mỗi học phần, giảng viên cần giảm bớt giờ học diễn giảng mà nên giới thiệu nội dung học phần, hệ thống tài liệu và hướng dẫn để học viên trình bày kết quả thu được trong quá trình nghiên cứu học phần. Trên cơ sở đó, các giảng viên sẽ giúp học viên giải đáp một số vấn đề khó và nêu các kết luận chính, đồng thời có thể dành thời gian đáng kể theo tỷ lệ quy định của học phần cho tất cả các học viên thực hành.

Kiểm tra đánh giá học viên: Thực hiện kiểm tra đánh giá chất lượng đào tạo một cách thường xuyên, toàn diện và bằng nhiều cách: vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm khách quan, hoạt động thực hành, hoạt động ngoại khóa,...

Theo hướng dẫn tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho học viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho một chương trình Thạc sĩ 2 năm. Chương trình cũng được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học của đào tạo thạc sĩ theo hướng ứng dụng.

5.1.2. Phương thức tổ chức đào tạo

- Hoạt động đào tạo được tổ chức theo từng lớp học phần, cho phép học viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của trường.

- Học viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

- Học viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ Đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu.

- b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào

tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài; Đảm bảo yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và đầu ra đối với học viên phải cùng một ngôn ngữ.

c) Toàn văn Đề án tốt nghiệp hoàn chỉnh cuối cùng của học viên đã được đăng tải trên Website của Trường.

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

6. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Học viên tốt nghiệp ngành Quản lý giáo dục, trình độ thạc sĩ có đa dạng cơ hội các vị trí việc làm như chuyên viên tư vấn giáo dục, chuyên viên đào tạo và phát triển chương trình học, giảng viên tại các cơ quan Quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục công lập và tư nhân, tổ chức văn hóa - giáo dục ở cộng đồng, tổ chức phi chính phủ hoặc làm việc trong các tổ chức nghiên cứu giáo dục và đào tạo.

7. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Cấu trúc chương trình tổng thể

Chương trình đào tạo ngành Thạc sĩ Quản lý giáo dục gồm 60 tín chỉ. Trong đó khối kiến thức chung 04 tín chỉ, có tỉ lệ 6,6%; khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành 41 tín chỉ, có tỉ lệ 63%; thực tập 6 tín chỉ, có tỉ lệ 10%; đề án tốt nghiệp 9 tín chỉ, có tỉ lệ 15%.

Cụ thể như sau:

Khối kiến thức	Loại học phần	Số tín chỉ
I. Khối kiến thức chung		4 tín chỉ
Học phần bắt buộc	+ <i>Bắt buộc</i>	4 tín chỉ
II. Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành		41 tín chỉ
Học phần bắt buộc	+ <i>Bắt buộc</i>	20 tín chỉ
Học phần tự chọn (chọn 7 trong 13 học phần)	+ <i>Tự chọn</i>	21 tín chỉ
III. Thực tập		6 tín chỉ
IV. Đề án tốt nghiệp		9 tín chỉ
TỔNG SỐ		60 tín chỉ

7.2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Ghi chú
				Lý thuyết	Bài tập, Thảo luận, Thực hành	Tự học	
Khối kiến thức chung			04				
1	POLI001	Triết học Mác - Lênin	04	30	30	140	
Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			41				
Học phần bắt buộc			20				
2	EDMA 102	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục và nhà trường	4	30	30	140	
3	EDMA 103	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Quản lý giáo dục	4	30	30	140	
4	EDMA 104	Quản lý nhà nước về giáo dục	4	30	30	140	
5	EDMA 105	Giáo dục so sánh và quốc tế	4	30	30	140	
6	EDMA 106	Quản lý chất lượng trong giáo dục	4	30	30	140	
Học phần tự chọn			21				
7	EDMA 307	Quản lý và lãnh đạo nhà trường	3	25	20	105	
8	EDMA 308	Tâm lý học quản lý và lãnh đạo	3	25	20	105	
9	EDMA 309	Xã hội học và kinh tế học trong Quản lý giáo dục	3	25	20	105	
10	EDMA 310	Dự báo phát triển giáo dục	3	25	20	105	
11	EDMA 311	Quản lý dự án giáo dục	3	25	20	105	
12	EDMA 312	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	3	25	20	105	
13	EDMA 313	Chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục	3	25	20	105	
14	EDMA 314	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý nhà trường	3	25	20	105	

15	EDMA 315	Quản lý và phát triển chương trình giáo dục nhà trường	3	25	20	105	
16	EDMA 316	Xây dựng văn hóa nhà trường	3	25	20	105	
17	EDMA 317	Lý luận dạy học hiện đại	3	25	20	105	
18	EDMA 318	Quản lý nguồn nhân lực giáo dục	3	25	20	105	
19	EDMA 319	Quản lý nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục	3	25	20	105	
Thực tập			6				
20	EDMA 420	Thực tập tốt nghiệp: Quản lý cơ sở giáo dục	6	0	90	210	
21	EDMA 521	Đề án tốt nghiệp	9				
Tổng số tín chỉ			60				

7.3. Kế hoạch giảng dạy (phân kỳ)

Chương trình đào tạo ngành Quản lý giáo dục trình độ thạc sĩ được chia thành 4 kỳ, kỳ I thực hiện 14 tín chỉ, kỳ II thực hiện 14 tín chỉ, kỳ III thực hiện 17 tín chỉ, kỳ IV thực hiện 15 tín chỉ. Cụ thể như sau:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Kỳ I			14	
Bắt buộc			8	
1	POLI001	Triết học Mác - Lênin	4	
2	EDMA 102	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục và nhà trường	4	
Tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)			6	
3	EDMA 307	Quản lý và lãnh đạo nhà trường	3	
4	EDMA 308	Tâm lý học quản lý và lãnh đạo	3	
5	EDMA 309	Xã hội học và kinh tế học trong quản lý giáo dục	3	
6	EDMA 310	Dự báo phát triển giáo dục	3	

Kỳ II			14	
Bắt buộc			8	
1	EDMA 103	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Quản lý giáo dục	4	
2	EDMA 104	Quản lý nhà nước về giáo dục	4	
Tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)			6	
3	EDMA 311	Quản lý dự án giáo dục	3	
4	EDMA 312	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	3	
5	EDMA 313	Chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục	3	
6	EDMA 314	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý nhà trường	3	
Kỳ III			17	
Bắt buộc			8	
1	EDMA 105	Giáo dục so sánh và quốc tế	4	
2	EDMA 106	Quản lý chất lượng trong giáo dục	4	
Tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)			3	
3	EDMA 315	Quản lý và phát triển chương trình giáo dục nhà trường	3	
4	EDMA 316	Xây dựng văn hóa nhà trường	3	
5	EDMA 317	Lý luận dạy học hiện đại	3	
6	EDMA 318	Quản lý nguồn nhân lực giáo dục	3	
7	EDMA 319	Quản lý nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục	3	
Kỳ IV			15	
Bắt buộc			15	
1	EDMA 420	Thực tập tốt nghiệp: Quản lý cơ sở giáo dục	6	
2	EDMA 521	Đề án tốt nghiệp	9	

7.4. Ma trận chuẩn đầu ra - học phần (ma trận kĩ năng)

Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
	Kiến thức						Kĩ năng							Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16
Triết học Mác - Lênin	3	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2
Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục và nhà trường	0	2	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	2
Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý giáo dục	3	0	0	2	0	0	0	0	0	3	3	0	0	2	0	2
Quản lý nhà nước về giáo dục	0	2	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	2	0	2
Giáo dục so sánh và quốc tế	0	2	2	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
Quản lý chất lượng trong giáo dục	0	2	2	2	2	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	2
Quản lý và lãnh đạo nhà trường	0	2	2	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1
Tâm lý học quản lý và lãnh đạo	0	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
Xã hội học và kinh tế học trong quản lý giáo dục	0	2	2	2	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1
Dự báo phát triển giáo dục	0	2	2	2	2	0	2	2	2	2	0	0	0	0	0	2
Quản lý dự án giáo dục	0	2	2	3	2	0	2	2	2	2	2	0	0	0	0	2
Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	0	0	2

Chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	0	2
Kỹ năng lãnh đạo và quản lý nhà trường	0	2	2	2	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2
Quản lý và phát triển chương trình giáo dục nhà trường	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	0	0	2
Xây dựng văn hóa nhà trường	0	2	2	2	2	0	2	2	0	2	2	0	0	0	2	2
Lý luận dạy học hiện đại	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	0	0	2
Quản lý nguồn nhân lực giáo dục	0	1	1	1	1	0	2	2	2	2	2	0	0	0	0	2
Quản lý nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục	0	1	1	1	1	0	2	2	2	2	2	0	0	0	0	2
Thực tập tốt nghiệp: Quản lý cơ sở giáo dục	0	2	2	2	2	0	2	2	2	2	2	0	0	0	0	2
Đề án tốt nghiệp	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao.

(Các học phần trong chương trình đều tham gia đóng góp vào bảng ma trận CDR)

8. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

8.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy thực hiện chương trình đào tạo ngành Quản lý giáo dục, trình độ thạc sĩ được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, trải nghiệm; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy giúp học viên học tập, trải nghiệm đạt các chuẩn đầu ra được chia thành hai nhóm:

- Nhóm phương pháp giảng dạy giúp học viên học tập chủ động, gồm:
- + Phương pháp động não (Brainstorming) là phương pháp giúp học viên trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó,

trong đó có nhiều ý tưởng sáng tạo. Thực hiện phương pháp này, giảng viên cần đưa ra một hệ thống các thông tin làm tiền đề cho buổi thảo luận.

+ Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (think - pair - share) được thực hiện bằng cách cho các học viên cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ về một chủ đề, sau đó các học viên ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ với cả lớp.

+ Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning) giúp học viên xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết.

+ Phương pháp hoạt động nhóm (Group based Learning) là chia lớp học thành từng nhóm nhỏ từ 5 đến 7 người. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập, các nhóm được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của học phần, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau. Phương pháp hoạt động nhóm giúp các thành viên trong nhóm chia sẻ các băn khoăn, kinh nghiệm của bản thân, cùng nhau xây dựng nhận thức mới. Bằng cách nói ra những điều đang nghĩ, mỗi người có thể nhận rõ trình độ hiểu biết của mình về chủ đề nêu ra, thấy mình cần học hỏi thêm những gì.

- Nhóm phương pháp giảng dạy giúp học viên học tập qua trải nghiệm, gồm:

+ Học dựa vào dự án (Project based Learning) là tổ chức việc dạy và học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Từ đây người học sẽ tham gia vào thiết kế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình.

+ Mô phỏng (Simulations) thường được dùng trong nghiên cứu khoa học, là quá trình phát triển mô hình hoá rồi mô phỏng một đối tượng cần nghiên cứu. Dựa trên những kết quả thu được sau quá trình mô phỏng, ta có thể rút ra hướng đi tiếp cho nghiên cứu và sản xuất về sau.

+ Nghiên cứu tình huống (Case studies) dựa trên các tình huống thực tế của cả học viên và giảng viên. Mục đích chính của các tình huống là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau cần phải giải quyết trong khoảng thời gian định sẵn cùng nguồn lực có hạn, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lý. Sự đa dạng của các tình huống được đưa lên không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp.

+ Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning) là một phương pháp dạy và học mà thông qua đó người học áp dụng được những kiến thức học được trong lớp vào điều kiện thực tế, đồng thời kết quả của quá trình học đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và được cộng đồng sử dụng. Phương pháp này giúp người học có điều kiện tăng cường kiến thức học thuật, rèn luyện và phát triển các kỹ năng mềm như tư duy suy xét, phản biện (critical thinking), làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình và các kỹ năng sống.

8.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hải Dương tại Quyết định số 555/QĐ-ĐHHD ngày 28/9/2023, cụ thể:

8.2.1. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được quy định như sau:

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Từ 8,5 đến 10,0	A	4
	Từ 7,0 đến 8,4	B	3
	Từ 5,5 đến 6,9	C	2
Không đạt	Từ 4,0 đến 5,4	D	1
	Dưới 4,0	F	0

8.2.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

8.2.2.1. Học phần lý thuyết

Đối với mỗi học phần, học viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần (là các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần). Số bài kiểm tra thường xuyên tương ứng với số tín chỉ của mỗi học phần.

Số tín chỉ	Số bài kiểm tra (đánh giá thường xuyên)
Từ 1 đến 2 tín chỉ	1 bài
Từ 3 đến 5 tín chỉ	2 bài
Từ 6 tín chỉ trở lên	3 bài

Trung bình điểm kiểm tra thường xuyên chiếm trọng số 40%.

Điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 60%.

Các điểm kiểm tra đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn số đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ như sau:

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Đánh giá quá trình	40%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần	60%
3. Công thức tính điểm học phần $\text{Điểm HP} = (\text{Trung bình điểm KTTX} \times 4 + \text{Điểm thi kết thúc HP} \times 6) / 10$	

8.2.2.2. Học phần thí nghiệm - thực hành

Học viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm cuối cùng cả học phần thực hành (hoặc tính theo quy chế đào tạo).

8.2.2.3. Học phần Thực tập tốt nghiệp

Điểm Thực tập tốt nghiệp có trọng số như sau: 40% điểm quá trình, 60% điểm thể hiện báo cáo.

8.2.2.4. Học phần khóa luận/đề án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hải Dương tại Quyết định số 555/QĐ-ĐHHD ngày 28/9/2023.

9. PHƯƠNG PHÁP HỌC, TỰ HỌC VÀ TỰ NGHIÊN CỨU

9.1. Phương pháp học

- Học tích cực: Chủ động tham gia vào các hoạt động học tập như thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, đặt câu hỏi và tham gia thuyết trình, hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp nâng cao kỹ năng nghề của bản thân.

- Ghi chép lại các ý chính khi nghe giảng và khi tham khảo tài liệu để củng cố kiến thức tạo thói quen tích lũy kiến thức trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Học theo cặp, nhóm:

+ Làm việc cặp, nhóm để chia sẻ ý tưởng, trao đổi quan điểm và giải đáp thắc mắc đem lại hiệu quả học tập và nghiên cứu.

+ Học nhóm để ôn tập và phân tích sâu hơn các nội dung học thuật, tìm và giải quyết vấn đề trong học tập và nghiên cứu.

9.2. Phương pháp tự học, tự nghiên cứu

Tự học và tự nghiên cứu là năng lực cần thiết để học viên phát triển tư duy độc lập, khả năng phát hiện giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo tìm và phát hiện vấn đề mới cần nghiên cứu.

- Lập kế hoạch học tập cá nhân là kỹ năng mềm rất cần thiết giúp học viên xác định mục tiêu học tập cụ thể, rõ ràng và xác định được thời gian hoàn thành cũng như tìm kiếm sự hỗ trợ từ giảng viên, bạn bè, đồng nghiệp để thực hiện nhiệm vụ học tập, nhiệm vụ nghiên cứu.

- Tìm kiếm và sử dụng nguồn tài liệu đa dạng: Đọc sách, báo, tạp chí chuyên ngành, và tài liệu trên các trang web học thuật đáng tin cậy, khai thác tài liệu tại thư viện sách và thư viện điện tử của nhà trường, tìm kiếm nguồn tài liệu tại Thư viện tỉnh Hải Dương hoặc thư viện quốc gia...

- Phát triển và rèn luyện năng lực và tư duy tự nghiên cứu, tự học tập suốt đời giúp học viên tự trau dồi và nâng cao tri thức của bản thân, vận dụng tri thức mới và trong lao động.

10. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ

Đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình Quản lý giáo dục, trình độ thạc sĩ gồm 01 phó giáo sư, 25 giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ (11 tiến sĩ ngành phù hợp). Trong đó có:

- 01 Phó giáo sư, tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

- 11 Tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy thực hiện chương trình;

- 14 Tiến sĩ thực hiện chương trình.

Đội ngũ giảng viên nói trên có số lượng đảm bảo tỉ lệ học viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho ngành đào tạo Quản lý giáo dục, trình độ thạc sĩ.

TT	Họ và tên, năm sinh, chức danh	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành
1	PGS.TS. Bùi Văn Quân 1961, Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ Việt Nam, 2002	Giáo dục học
2	TS. Nguyễn Thị Thu Hà 1976, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2016	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn
3	TS. Tạ Thị Thúy Ngân 1972, Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ Việt Nam, 2015	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn
4	TS. Nguyễn Thị Thu Hà 1977, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2017	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn
5	TS. Nguyễn Thị Tím Huế 1979, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2018	Lý luận và lịch sử dạy học
6	TS. Vũ Thị Yến Nhi 1977, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2018	Lý luận và lịch sử dạy học
7	TS. Nguyễn Thị Hồng Gấm 1974, Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn
8	TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh 1976, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2022	Giáo dục học
9	TS. Phạm Thị Oanh 1977, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2021	Giáo dục học

10	TS. Vũ Thị Kim Nhung 1981, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2023	Lý luận và phương pháp dạy học
11	Nguyễn Thị Thu Hiền, 1984, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2018	Giáo dục học
12	TS. Đồng Thị Yến 1988, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2018	Tâm lý học
13	TS. Luyện Thị Minh Thu 1983, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2017	Triết học
14	TS. Tô Văn Sông 1967, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2012	Triết học
15	TS. Phạm Thị Thu Hằng 1987, Giảng viên	Tiến sĩ Việt Nam, 2021	Triết học
16	TS. Tăng Thế Toan 1976, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Điện tử viễn thông
17	TS. Vũ Quốc Tuấn 1982, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2019	Toán cho tin học
18	TS. Phạm Quang Thịnh 1979, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2019	Kế toán
19	TS. Lê Thị Nguyệt 1980, Giảng viên	Tiến sĩ Việt Nam, 2020	Kinh tế
20	TS. Nguyễn Phương Ngọc 1977, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2017	Kinh tế
21	TS. Đàm Văn Bắc 1969, Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ Việt Nam, 2014	Địa lý
22	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 1979, Giảng viên	Tiến sĩ Việt Nam, 2015	Lịch sử
23	TS. Phạm Thị Thu Thủy 1977, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2018	Ngữ văn
24	TS. Nguyễn Văn Quyên 1980, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2020	Sinh học
25	TS. Vũ Đức Lễ 1964, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2017	Quản lý công
26	TS. Nguyễn Thị Đào 1975, Giảng viên chính	Tiến sĩ Việt Nam, 2017	Kinh tế

11. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành Quản lý giáo dục, trình độ thạc sĩ. Trong đó bao gồm:

- Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu: 122;
- Phòng bảo vệ đề án tốt nghiệp: 03
- Thư viện, trung tâm học liệu: 02;
- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 23;
- Nhà kí túc xá 5 tầng: 04;
- Nhà dịch vụ: 01;
- Nhà ăn học viên: 02;
- Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng: 02;
- Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo: 02;
- Sân bóng chuyên: 02;
- Sân bóng rổ: 03.

Để đào tạo ngành Quản lý giáo dục, trình độ thạc sĩ, nhà trường có thư viện, trung tâm học liệu với hàng trăm đầu sách, gồm các tài liệu chính và tài liệu tham khảo để học viên học tập các học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

12. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN (4 TÍN CHỈ)

Học phần Triết học Mác - Lênin dành cho cao học không chuyên triết học bao gồm 8 chương Thứ nhất, Lịch sử Triết học bao gồm lịch sử triết học phương Đông và phương Tây; Thứ hai, Triết học Mác - Lênin bao gồm 8 chương: bao gồm khái luận về triết học; bản thể luận; phép biện chứng; nhận thức luận; Chủ nghĩa duy vật lịch sử nhằm cung cấp thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn cho học viên trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

2. TIẾP CẬN HIỆN ĐẠI TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ NHÀ TRƯỜNG (4 TÍN CHỈ)

Học phần bao gồm những kiến thức về các lý thuyết tiếp cận hiện đại trong Quản lý giáo dục cũng như những cách nhìn và cách giải quyết khoa học trên bình diện tổng thể các vấn đề giáo dục và Quản lý giáo dục thông qua các tiếp cận hệ thống, tiếp cận theo lý thuyết tham gia, tiếp cận quản lý dựa vào nhà trường, tiếp cận trạng thái SWOT, tiếp cận mô hình cấu trúc 7-S, tiếp cận văn hóa tổ chức, tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể và tiếp cận quản lý theo ISO.... Mỗi tiếp cận sẽ đưa đến cho học viên sự hiểu biết về bản chất, phương pháp luận, nguyên tắc, nội dung vận dụng trong quá trình quản lý cơ sở giáo dục. Từ đó học viên hình thành được phương pháp luận khoa học trong quá trình thực hiện hoạt động chuyên môn tại cơ sở giáo dục góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà trường và cơ sở giáo dục.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC (4 TÍN CHỈ)

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong QLGD bao gồm những nội dung cơ bản: Hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học; Các quan điểm phương pháp luận và quan điểm tiếp cận các vấn đề trong nghiên cứu khoa học giáo dục và Quản lý giáo dục. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể đặc trưng của khoa học quản lý giáo dục; Tiến trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học và cách thức trình bày các loại báo cáo khoa học. Trên cơ sở đó giúp người hiểu ý nghĩa của công tác nghiên cứu khoa học, có kỹ năng phát hiện và lựa chọn và tổ chức, triển khai các nội dung nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Quản lý giáo dục. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác nghiên cứu khoa học sau này.

4. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC (4 TÍN CHỈ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về hệ thống giáo dục quốc dân, nội dung quản lý nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục. Một số vấn đề chung về hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam đề cập đến các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển hệ thống giáo dục quốc dân, những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo việc xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân, cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đặc điểm và xu hướng phát triển của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam và các nước. Học phần cũng giúp học viên hiểu rõ những nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo; nghiên cứu và so sánh được các mô hình quản lý nhà nước về giáo dục, nhận diện các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục. Từ đó, người học đánh giá được thực trạng thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo, làm cơ sở định hướng thực hiện đổi mới có hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo tại các cơ sở giáo dục đang công tác.

5. GIÁO DỤC SO SÁNH VÀ QUỐC TẾ (4 TÍN CHỈ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về giáo dục so sánh và quốc tế bao gồm khái niệm, mục đích, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu của giáo dục so sánh, một số nền giáo dục tiên tiến trên thế giới và kinh nghiệm giáo dục quốc tế. Giúp người học thực hành với một số phương pháp và kỹ thuật so sánh giáo dục ở các cấp độ khác nhau. Giúp người học vận dụng các kỹ thuật so sánh giáo dục vào công việc của nhà quản lý, hợp tác quốc tế và quốc nội, giải quyết các vấn đề giáo dục.

6. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRONG GIÁO DỤC (4 TÍN CHỈ)

Học phần giới thiệu, phân tích khái niệm và so sánh các quan niệm/cách tiếp cận về chất lượng giáo dục và đánh giá chất lượng giáo dục; phân tích bản chất và nguyên tắc cơ bản trong quản lý chất lượng, các phương pháp, triết lý và hệ thống quản lý chất lượng trên thế giới và Việt Nam, quản lý chất lượng tổng thể TQM, lý thuyết và công cụ đo lường và đánh giá chất lượng giáo dục.

7. QUẢN LÝ VÀ LÃNH ĐẠO NHÀ TRƯỜNG (3 TÍN CHỈ)

Học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý và lãnh đạo trong nhà trường. Từ đó xác định được những năng lực và phẩm chất mà một cán bộ quản lý nhà trường (Hiệu trưởng). Đây cũng là học phần nền tảng để giúp học viên có được rèn luyện, thực hành các kỹ năng quản lý và lãnh đạo nhà trường trong bối cảnh hiện nay.

8. TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ VÀ LÃNH ĐẠO (3 TÍN CHỈ)

Học phần Tâm lý học quản lý và lãnh đạo cung cấp cho người học hệ thống lý thuyết về hoạt động quản lý, đặc điểm tâm lý của nhà quản lý, những vấn đề tâm lý nảy sinh trong hoạt động quản lý. Phân tích những vấn đề tâm lý cá nhân trong hoạt động quản lý, những tri thức về giao tiếp đối với cá nhân trong quản lý; những vấn đề tâm lý xã hội trong quản lý, đặc biệt là những hiện tượng tâm lý tập thể, cấu trúc tập thể. Hiểu các phẩm chất tâm lý của nhà quản lý. Vận dụng tâm lý học quản lý lãnh đạo trong nghiên cứu đặc điểm tâm lý tập thể và tâm lý cá nhân. Hình thành một số kỹ năng trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Có thái độ tích cực trong việc ứng dụng những kiến thức về tâm lý học quản lý trong công tác quản lý ở đơn vị công tác.

9. XÃ HỘI HỌC VÀ KINH TẾ HỌC TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC (3 TÍN CHỈ)

Học phần bao gồm những kiến thức về nhà trường và mối quan hệ giữa nhà trường với xã hội, giữa giáo dục và kinh tế - chính trị - xã hội, đồng thời đi phân tích những tri thức chung, khái quát về xã hội học và kinh tế học trong Quản lý giáo dục; xem xét mối quan hệ giữa giáo dục và xã hội, giáo dục và kinh tế, xem xét mối quan hệ giữa thiết chế cơ bản của xã hội, kinh tế với thiết chế giáo dục.

10. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC (3 TÍN CHỈ)

Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về dự báo, dự báo phát triển giáo dục. Với nội dung cụ thể bao gồm: các kiến thức về khái niệm, chức năng, phân loại, đặc điểm của dự báo, đối tượng, phương pháp dự báo phát triển giáo dục, dữ liệu phục vụ dự báo phát triển giáo dục; Đồng thời giúp học viên hình thành được các kỹ năng về quy trình và sử dụng phương pháp dự báo để dự báo được quy mô phát triển giáo dục. Thông qua đó, học phần góp phần bồi dưỡng cho học viên ý thức tôn trọng cơ sở khoa học và thực tiễn trong quá trình thực hiện dự báo phát triển giáo dục.

11. QUẢN LÝ DỰ ÁN GIÁO DỤC (3 TÍN CHỈ)

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản về quản lý dự án như khái niệm, cấu trúc dự án, nội dung quản lý dự án; lập kế hoạch dự án giáo dục, nhấn mạnh đến phương pháp lập kế hoạch và dự kiến các rủi ro có thể xảy ra trong thực hiện dự án giáo dục; giám sát và đánh giá trong dự án giáo dục; làm thế nào để kết thúc dự án giáo dục.

12. QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI TRONG GIÁO DỤC (3 TÍN CHỈ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý sự thay đổi, quản lý và lãnh đạo sự thay đổi trường học, mô hình quản lý dựa vào nhà trường theo tiếp cận quản lý sự thay đổi, cách nhận diện các loại thay đổi thường gặp trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, quy trình triển khai một thay đổi, điều kiện cần và đủ để tiến hành thay đổi thành công. Các yếu tố tác động và tạo nên sự thay đổi trong giáo dục nói chung và ở từng cơ sở giáo dục nói riêng; Vai trò của các thành viên trong quản lý và lãnh đạo sự thay đổi trường học.

13. CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC (3 TÍN CHỈ)

Cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyển đổi số trong giáo dục và tầm quan trọng của việc xây dựng nội dung chuyển đổi số trong giáo dục, vai trò của người lãnh đạo, người quản lý đối với chuyển đổi số trong giáo dục.

14. KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG (3 TÍN CHỈ)

Học phần bao gồm hệ thống kỹ năng trong lãnh đạo, quản lý nhà trường phù hợp với bối cảnh mới như: Kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng nhận định và giải quyết xung đột, quản lý stress, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tạo dựng và làm việc nhóm. Ngoài ra hệ thống các yếu tố tác động đến hoạt động lãnh đạo nhà trường trong bối cảnh hội nhập.

15. QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG (3 TÍN CHỈ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chương trình giáo dục bao gồm khái niệm, chức năng, cơ cấu chương trình ở các cấp học và các mô hình phát triển chương trình giáo dục tiên tiến trên thế giới theo tiếp cận năng lực. Giúp người học thực hành với một số công cụ phân tích nhu cầu và thiết kế khoá học nhằm đạt chuẩn đầu ra. Giúp người học lựa chọn mô hình quản lý chương trình giáo dục ở phổ thông và đại học. Giới thiệu quy trình quản lý chương trình giáo dục ở các cấp học và vai trò của nhà quản lý.

16. XÂY DỰNG VĂN HÓA NHÀ TRƯỜNG (3 TÍN CHỈ)

Học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về văn hóa nhà trường và tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường, vai trò của người lãnh đạo, người quản lý trong việc xây dựng văn hóa nhà trường.

17. LÝ LUẬN DẠY HỌC HIỆN ĐẠI (3 TÍN CHỈ)

Học phần Lý luận dạy học hiện đại bao gồm các nội dung cơ bản: Lý luận dạy học với tư cách là một khoa học giáo dục; Các lý thuyết về giáo dục và học tập, vận dụng các lý thuyết học tập và chiến lược học tập trong dạy học và quản lý hoạt động dạy học; Các mô hình lý luận về dạy học, so sánh và chỉ ra được sự khác nhau của các mô hình lý luận dạy học; Phát triển năng lực và mục tiêu dạy học, thực hiện xây dựng mục

tiêu dạy học theo quan điểm hiện đại; Nội dung và phương pháp, phương tiện dạy học; Đánh giá và cho điểm thành tích học tập, vận dụng kết hợp các hình thức đánh giá trong dạy học theo quan điểm phát triển năng lực.

18. QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC GIÁO DỤC (3 TÍN CHỈ)

Học phần Quản lý nguồn nhân lực giáo dục bao gồm các nội dung cơ bản: Lý thuyết quản lý, Quản lý nguồn nhân lực, khái niệm, đặc điểm và chức năng cụ thể trong việc thực hiện Quản lý nguồn nhân lực tầm vĩ mô và vi mô trong quản lý giáo dục. Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục, người học hiểu đúng về các nội dung hoạt động quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh giáo dục hiện nay. Thông qua các bài tập tình huống, học viên hình thành khả năng đánh giá thực trạng và vận dụng những hiểu biết và bài học kinh nghiệm tiên tiến vào giải quyết vấn đề quản lý nguồn nhân lực vào cơ sở giáo dục, địa phương công tác.

19. QUẢN LÝ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC (3 TÍN CHỈ)

Nội dung học phần giới thiệu những tri thức chung, khái quát về tài chính và cơ sở vật chất thiết bị trong nhà trường/cơ sở giáo dục; áp dụng các lý thuyết vào thực tiễn quản lý tài chính, cơ sở vật chất như: nghiệp vụ hạch toán trong trường học, quản lý các khoản thu, chi, kinh phí, công khai, quyết toán ngân sách; quản lý và sử dụng tài sản công trong trường học theo đúng tiêu chuẩn, định mức,... Đồng thời, qua các nội dung học phần người học hình thành ý thức thay đổi nhận thức trong thực hiện các hoạt động về tài chính, cơ sở vật chất thiết bị để hình thành các năng lực cơ bản như lập kế hoạch, tổ chức hoạt động, giám sát, kiểm tra đánh giá về các hoạt động quản lý tài chính, cơ sở vật chất thiết bị trong nhà trường/cơ sở giáo dục.

20. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP: QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC (6 TÍN CHỈ)

Học phần Thực tập tốt nghiệp hệ thống hóa kiến thức được học về các nội dung quản lý trong nhà trường như: quản lý hoạt động dạy học (quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc đối với bậc mầm non), quản lý hoạt động giáo dục, quản lý nhân sự, quản lý tài chính, cơ sở vật chất, quản lý người học, quản lý công tác bán trú... tại một cấp học cụ thể giúp cho học viên có được sự trải nghiệm thực tế về các hoạt động có liên quan đến nghề nghiệp trong tương lai. Sau khi kết thúc học phần học viên viết báo cáo, tham dự tổng kết đánh giá kết quả thực tập của bản thân tại cơ sở thực tập.

21. ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP (9 TÍN CHỈ)

Là một công trình nghiên cứu để giải quyết một vấn đề thực tiễn. Thường thì đó là những vấn đề đang phát sinh trong thực tiễn, đang là thực tiễn “*nóng hổi*” mà học viên phát hiện trong nhà trường/tổ chức giáo dục của mình, trên địa bàn địa phương của mình

hoặc là vấn đề chung của xã hội ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động giáo dục và đào tạo. Đề án tốt nghiệp không những giúp học viên tốt nghiệp chương trình thạc sĩ mà còn có thể giúp nhà trường, tổ chức giáo dục, địa phương giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó, thậm chí đưa ra một số giải pháp cụ thể cho vấn đề cụ thể. Tuy vậy, đề án tốt nghiệp khác với báo cáo hay sáng kiến kinh nghiệm ở chỗ học viên cần vận dụng các phương pháp nghiên cứu đã học trong chương trình để giải quyết vấn đề. Các phương pháp thường sử dụng là các phương pháp quan sát, nghiên cứu tình huống điển hình (*case study*), phương pháp mô hình hóa, các công cụ thống kê mô tả (*descriptive statistics*). Các phương pháp nghiên cứu hàn lâm của hướng nghiên cứu kể trên có thể được sử dụng nhưng không phải là một bắt buộc. Dữ liệu chủ yếu là thứ cấp lấy từ nhà trường, tổ chức, địa phương...

13. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

- Chương trình đào tạo ngành thạc sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Chương trình đào tạo ngành thạc sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Thái Nguyên;
- Chương trình đào tạo ngành thạc sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;
- Chương trình đào tạo ngành thạc sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Thủ đô.

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Ngành đào tạo xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng nội dung chương trình đào tạo chi tiết phù hợp với sự phát triển của chuyên ngành và dựa trên cơ sở bản mô tả chương trình đào tạo của ngành Quản lý giáo dục, trình độ thạc sĩ.
- Chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hải Dương.
- Định kỳ, Trường tiến hành rà soát, chỉnh sửa, cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

KHOA CHÍNH TRỊ -
TÂM LÝ - GIÁO DỤC HỌC


TS. Nguyễn Thị Thu Hà

PHÒNG ĐÀO TẠO
SAU ĐẠI HỌC


Nguyễn Phương Ngọc



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Văn Quyền